

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 39/2023/HS-PT
Ngày 14 - 3 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm.
Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 51/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2022/HS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1975 tại tỉnh Quảng Ngãi; NĐKNKTT: Tổ 04, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Số xxx/xx đường Nguyễn C, tổ 01, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái H (Chết) và bà Phạm Thị Minh L; có vợ Trần Thị Thu H và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2022 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2018, Nguyễn Minh Đ tự tìm hiểu thì biết được Dự án khu dân cư xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đang mở đấu giá đất. Thông qua một người bán đất dự án (không xác định được nhân thân, lai lịch), Đ xin được các

tờ bản đồ quy hoạch Dự án khu dân cư xã N. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, nên Đ không có tiền mua đất.

Đ có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với ông Lê Văn K, sinh năm 1977, nơi cư trú tại tổ 05, phường Trần P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Biết ông K có nhu cầu mua đất để đầu tư nên Đ đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông K thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K. Mặc dù lô đất số 23 và 24 tại Dự án khu dân cư xã Nghĩa Phú chưa được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân nào, nhưng Đ vẫn chủ động liên hệ với ông K, nói dối với ông K là Đ đang có quyền sử dụng hợp pháp lô đất số 23 và 24 tại Dự án khu dân cư xã Nghĩa Phú, mỗi lô đất có diện tích (5x25)m, và Đ muốn chuyển nhượng lại cho ông K 02 lô đất trên với giá tiền là 1.000.000.000 đồng. Ông K nghe vậy thì hoàn toàn tin tưởng Đ và đồng ý nhận chuyển nhượng hai lô đất trên. Ông K yêu cầu Đ cho xem giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất số 23 và 24, nhưng Đ nói dối với ông K hai lô đất trên đang còn trong dự án nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu ông K đồng ý mua lại hai lô đất trên thì trong thời gian 90 ngày, Đ sẽ làm các thủ tục pháp lý để đề nghị cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận và chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất số 23 và 24 cho ông K. Để tạo sự tin tưởng, Đ đưa cho ông K xem các tờ bản đồ quy hoạch Dự án khu dân cư xã Nghĩa Phú, trong đó có lô đất số 23 và 24, rồi Đ dẫn ông K đến Dự án khu dân cư xã N xem vị trí lô đất số 23 và 24. Sau khi xem đất xong, ông K đồng ý nhận chuyển nhượng hai lô đất trên với giá tiền là 1.000.000.000 đồng. Đ yêu cầu ông K đưa trước số tiền 400.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất số 23 và 24, ông K tin tưởng nên đồng ý đặt cọc tiền.

Ngày 09/02/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Agribank – Phòng giao dịch T thuộc tổ 04, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, ông K và vợ là bà Lê Thị T làm thủ tục vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Agribank – Phòng giao dịch T số tiền 400.000.000 đồng để lấy tiền đặt cọc mua lô đất số 23 và 24. Sau khi nhận tiền từ Ngân hàng, ông K và Đ lập Hợp đồng đặt cọc tiền về việc mua bán lô đất số 23 và 24, nội dung Hợp đồng đặt cọc thể hiện thời gian đặt cọc là 90 ngày kể từ ngày 09/02/2018, trong thời gian này Đ cam kết sẽ làm các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K, ông K cam kết sẽ trả số tiền 600.000.000 đồng còn lại cho Đ khi Đ và ông K ký kết hợp đồng mua bán đất tại phòng Công chứng. Đ cam kết sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K trong thời gian 90 ngày kể từ ngày ông K và Đ ký kết hợp đồng đặt cọc mua bán đất. Khi ký hợp đồng đặt cọc có mặt Đ, ông K và bà T, ông K là người đưa trực tiếp số tiền 400.000.000 đồng cho Đ. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, Đ không làm các thủ tục để chuyển nhượng lô đất số 23 và 24 cho ông K như đã thỏa thuận và chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của vợ chồng ông K, bà T.

Sau khi ông K biết bị Đ lừa đảo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng, ông K sợ bị mất tiền nên yêu cầu Đ viết Giấy nhận nợ ngày 08/8/2020, Giấy cam đoan ngày 21/12/2020, Giấy nhận nợ ngày 13/8/2021 về việc Đ có mượn của ông K số tiền 400.000.000 đồng và cam kết trả lại tiền cho ông K. Tuy nhiên, dù nhiều lần

cam kết nhưng Đ vẫn không trả lại số tiền 400.000.000 đồng cho ông K. Ngày 30/6/2022, ông K tố cáo Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 18/7/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi gửi Yêu cầu số 7XX/YC-ĐTTH đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi cung cấp thông tin về Dự án khu dân cư xã N và người có quyền sử dụng lô đất số 23 và 24. Tại Công văn số 1XX6/CNTPQN ngày 25/7/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi xác định tại xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có Dự án khu dân cư xã N. Thửa đất số 23 và 24 tại Dự án khu dân cư xã N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi tiến hành xác minh tại Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi xác định như sau: Ngày 05/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1XX6/QĐ-UBND về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 37 lô đất ở (trong đó có lô đất số 23 và 24) thuộc Dự án khu dân cư xã N (giai đoạn 1), xã N, thành phố Quảng Ngãi. Ngày 08/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi có Văn bản số 2XX2/UBNDKT trình Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi (Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) đề xuất phương án xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đối với 37 lô đất ở (trong đó có lô đất số 23 và 24) thuộc Dự án khu dân cư xã N (giai đoạn 1), xã N, thành phố Quảng Ngãi. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi xác định từ trước đến nay, Nguyễn Minh Đ không đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất đối với lô đất số 23 và 24 thuộc dự án khu dân cư xã N (lô đất 23 và 24 chưa có giá khởi điểm của cơ quan có thẩm quyền quyết định, vì vậy chưa bán hồ sơ đấu giá lô đất 23 và 24 theo quy định).

Ngày 19/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2XX/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Minh Đ. Tại Kết luận giám định số XXX/KL-KTHS ngày 03/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận về đối tượng giám định như sau: Chữ ký ở cuối phải trang 1 và chữ ký, chữ viết “Nguyễn Minh Đ” dưới cột mục “Bên B” trên “Hợp đồng đặt cọc” đề ngày 09/02/2018 (ký hiệu A1); toàn bộ chữ ký, chữ viết trên “Giấy nhận nợ” đề ngày 08/8/2020 (ký hiệu A2), “Giấy nhận nợ” đề ngày 13/8/2021 (ký hiệu A3), “Giấy cam đoan” đề ngày 21/12/2020 (ký hiệu A4) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Minh Đ trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) gửi giám định là do cùng một người ký, viết ra.

Trong quá trình điều tra, Đ thừa nhận chữ ký, chữ viết “Nguyễn Minh Đ” trong “Hợp đồng đặt cọc” đề ngày 09/02/2018, “Giấy nhận nợ” đề ngày 08/8/2020, “Giấy cam đoan” đề ngày 21/12/2020, “Giấy nhận nợ” đề ngày 13/8/2021 đều là do Đ ký, viết.

Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;
Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;
khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 06 (Sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (17/8/2022).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/12/2022, bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh Đ: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, Nguyễn Minh Đ do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều và không có tiền trả nợ nên Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền trả nợ. Đ biết ông Nguyễn Văn K có nhu cầu mua đất để đầu tư nên chủ động liên hệ với ông K, nói dối là mình đang có quyền sử dụng hợp pháp đối với lô đất số 23, 24 tại Dự án khu dân cư xã N và muốn chuyển nhượng lại cho ông K với giá 1.000.000.000 đồng; nếu ông K đồng ý thì trong thời gian 90 ngày Đ sẽ làm thủ tục đề nghị cơ quan có chức năng cấp giấy chứng nhận 02 thửa đất này cho ông K. Để tạo thêm lòng tin cho ông K, Đ đưa cho ông K xem các tờ bản đồ quy hoạch Dự án khu dân cư xã N và dẫn ông K đi xem đất. Sau khi xem đất xong, ông K tin tưởng nên đã ký Hợp đồng đặt cọc với nội dung trong thời hạn 90 ngày Đ sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K, ông K đưa trực tiếp cho Đ số tiền 400.000.000 đồng để đặt cọc trước, số tiền còn lại 600.000.000 đồng sẽ trả cho Đ khi ký kết hợp đồng mua bán đất tại phòng Công chứng. Tuy nhiên, sau khi nhận

số tiền 400.000.000 đồng, Đ chiếm đoạt luôn mà không làm thủ tục chuyển nhượng lô đất số 23, 24 cho ông K.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Minh Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ, thì thấy: Bị cáo Nguyễn Minh Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết việc đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì nợ nần không có tiền trả nên bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông K. Hành vi của bị cáo Đ là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cân nhắc về nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 06 (Sáu) năm là phù hợp, không nặng. Bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ, giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh Đ. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Đ 06 (Sáu) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (17/8/2022).

2. Bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND TP. Quảng Ngãi;
- Công an TP. Quảng Ngãi;
- THA dân sự TP. Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé